

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH HÀ TĨNH

Số: /TKT-TH
V/v thông cáo báo chí số liệu
thống kê tình hình KT-XH
năm 2025 tỉnh Hà Tĩnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương.

Thực hiện Văn bản số 528/TCTK-TKTH ngày 16/5/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành quy trình họp báo, công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội áp dụng đối với Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nay là Thống kê cấp tỉnh); Kế hoạch số 231/KH-TKT ngày 30/12/2025 của Thống kê tỉnh Hà Tĩnh về Họp báo công bố số liệu thống kê tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 tỉnh Hà Tĩnh;

Thống kê tỉnh Hà Tĩnh công bố số liệu thống kê tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 tỉnh Hà Tĩnh theo *Thông cáo báo chí gửi kèm*.

Kính gửi các cơ quan, đơn vị; cơ quan báo chí Trung ương và địa phương khai thác sử dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Phòng nghiệp vụ TKT;
- Thống kê cơ sở;
- Lưu: VT. TH.

Q. TRƯỞNG THỐNG KÊ

Nguyễn Trung Thành

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Văn bản số: /TKT-TH, ngày /01/2026
của Thống kê tỉnh Hà Tĩnh)

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, về đích, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Bối cảnh tình hình thế giới, trong nước tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường, trong tình thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và đời sống Nhân dân. Tuy nhiên, tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 vẫn đạt được những kết quả tích cực, kinh tế duy trì đà tăng trưởng khá; bộ máy chính quyền hai cấp vận hành ổn định, hiệu lực và hiệu quả được nâng cao.

I. VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2025 ước tăng 8,78% so với năm trước, xếp thứ 10 toàn quốc và thứ 01/5 khu vực Bắc Trung Bộ.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước giảm 1,29%¹, đóng góp 13,38% trong tăng trưởng chung. Trong năm 2025, ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng từ thời tiết bất lợi, ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất các loại cây trồng chủ lực. Về chăn nuôi, dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp dẫn đến việc thu hẹp đàn và giảm nguồn cung. Ngành lâm nghiệp, thủy sản mặc dù có tăng nhưng do chiếm tỷ trọng thấp nên đóng góp không lớn vào tăng trưởng chung toàn ngành.

Khu vực công nghiệp, xây dựng ước tăng 12,73%, đóng góp 40,41% vào tăng trưởng chung. Trong đó, ngành công nghiệp tăng 15,22%, đóng góp 5,13 điểm phần trăm², ngành xây dựng tăng 4,60%, đóng góp 0,47 điểm phần trăm vào mức tăng chung tổng giá trị tăng thêm toàn tỉnh. Trong năm 2025, ngành công nghiệp tiếp tục phát huy hiệu quả các lợi thế tăng trưởng, nhà máy ô tô VinFast đã đi vào hoạt động sản xuất, cơ bản hoàn thành các mục tiêu và kế hoạch đề ra; Ngành xây dựng duy trì mức tăng trưởng khá khi các công trình dự án đều được triển khai đẩy nhanh tiến độ và một số dự án quy mô lớn được khởi công trong năm.

Khu vực dịch vụ ước tăng 8,02% đóng góp 37,37% vào tăng trưởng³. Các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch diễn ra sôi nổi, hạ tầng du lịch có nhiều cải thiện, chất lượng dịch vụ ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu của du khách.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Năm 2025, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh chịu tác động lớn từ diễn biến thời tiết khắc nghiệt và tình hình dịch bệnh phức tạp, trong trồng trọt, các vụ Đông Xuân và Hè Thu gặp nhiều bất lợi làm giảm năng suất nhiều loại cây trồng chủ lực; ở lĩnh vực chăn nuôi, dịch tả lợn châu Phi vẫn tiềm ẩn rủi ro và phát sinh

¹ Nông nghiệp ước giảm 3,32%, làm giảm 0,33 điểm phần trăm; ngành lâm nghiệp ước tăng 10,23% đóng góp 0,11 điểm phần trăm; ngành thủy sản ước tăng 3,08%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm.

² Khai khoáng ước tăng 1,64%, đóng góp 0,01 điểm; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,79%, đóng góp 3,84 điểm; SX và PP điện khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 14,89%, đóng góp 1,25 điểm; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,82%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm vào tăng trưởng.

³ Bán buôn, bán lẻ tăng 8,85%, đóng góp 0,58 điểm; Vận tải kho bãi tăng 11,94%, đóng góp 0,45 điểm; Thông tin và truyền thông tăng 5,15%, đóng góp 0,23 điểm; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,21%, đóng góp 0,22 điểm phần trăm;....

tại một số địa phương, cùng với chi phí thức ăn và phòng, chống dịch duy trì ở mức cao đã gây khó khăn cho việc tái đàn và ổn định sản xuất. Trong khi đó, lĩnh vực lâm nghiệp và thủy sản vẫn giữ được xu hướng phát triển khả quan, sản lượng đạt và vượt kế hoạch năm.

a. Nông nghiệp

Về cây hàng năm: Tổng diện tích gieo trồng cả năm 2025 toàn tỉnh ước đạt 156.399 ha bằng 99,47% (giảm 828 ha)⁴. Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm ước đạt 564.200 tấn, bằng 84,11% (giảm 106.579 tấn)⁵ so với cùng kỳ năm trước, cây hàng năm khác cũng gặp khó khăn khi sản lượng giảm so với cùng kỳ⁶.

Về sản xuất vụ Đông năm 2026 ước tính đến ngày 22/12/2025, tổng diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm vụ Đông đạt 10.666 ha/12.400 ha, bằng 86,01% kế hoạch⁷.

Về cây lâu năm: Tổng diện tích hiện có sơ bộ đạt 30.599 ha, bằng 97,50%, giảm 783 ha so với năm 2024, trong đó chỉ tính riêng diện tích cây ăn quả sơ bộ đạt 18.945 ha, bằng 96,84%, giảm 618 ha so với năm 2024 với sản lượng cây ăn quả sơ bộ đạt 184.594 tấn, bằng 101,05%, tăng 1.914 tấn so với năm 2024⁸.

Về chăn nuôi: Trong năm, tình hình dịch bệnh diễn biến khá phức tạp nên tổng đàn trâu, bò, lợn đều đang giảm khá mạnh so với cùng kỳ⁹, tâm lý người dân vẫn đang e ngại trong việc tái đàn. Mặc dù sản lượng thịt lợn hơi có giảm, nhưng về cơ bản số lượng con xuất chuồng và sản lượng thịt hơi vẫn đảm bảo nguồn cung cho thị trường¹⁰. Đàn gia cầm duy trì ổn định ở mức gần 10,09 triệu con và đang có dấu hiệu gia tăng.

b. Lâm nghiệp

Năm 2025, tình hình hoạt động ngành lâm nghiệp trên địa bàn cơ bản ổn định, công tác bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được quan tâm, thực hiện có hiệu quả, không để xảy ra điểm nóng về phá rừng, cháy rừng, an ninh rừng được giữ vững. Diện tích rừng trồng mới tập trung trong năm đạt 10.574 ha, bằng 107,99%, tăng 782 ha so với năm 2024; Sản lượng gỗ khai thác đạt 775.178 m³, bằng 120,52%, tăng 131.993 m³ so với năm 2024; Cây trồng phân tán đạt 2 triệu cây, bằng 70,57%, giảm 834 nghìn cây so với năm 2024.

Về công tác bảo vệ rừng, cả năm 2025 đã xảy ra 41 vụ phá rừng (giảm 15 vụ), với diện tích 10,72 ha (giảm 4,95 ha) so với cùng kỳ.

c. Thủy sản

Nuôi trồng thủy sản tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với việc mở rộng nuôi thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, tăng cường quản lý môi trường và phòng, chống

⁴ DT Cây lúa cả năm đạt 104.789 ha, bằng 100,42% (tăng 433 ha); Ngô đạt 14.667 ha, bằng 101,97% (tăng 284 ha); Lạc đạt 6.268 ha, bằng 89,78% (giảm 714 ha); Rau ước đạt 13.948 ha, bằng 98,93% (giảm 151 ha) so với năm 2024.

⁵ Sản lượng Lúa năm 2025 ước tính đạt 488.393 tấn, bằng 81,65% (giảm 109.744 tấn); SL Ngô ước đạt 75.807 tấn, bằng 104,36% (tăng 3.165 tấn) so với năm 2024.

⁶ Sản lượng Lạc cả năm ước đạt 17.381 tấn, bằng 89,49% (giảm 2.041 tấn); SL rau ước đạt 102.629 tấn, bằng 99,92% (giảm 85 tấn) so với năm trước

⁷ Ngô lấy hạt 4.667 ha/5.007 ha, đạt 93,2%; Ngô sinh khối 982 ha/1.078 ha, đạt 91,1%; Khoai lang 823 ha/1.254 ha, đạt 65,6%; Rau các loại 4.179 ha/5.060 ha, đạt 82,6% kế hoạch năm 2026.

⁸ Năng suất cam sơ bộ đạt 112,66 tạ/ha, tăng 4,63 tạ/ha, sản lượng cam sơ bộ đạt 69.060 tấn, giảm 771 tấn. Năng suất bưởi sơ bộ đạt 110,31 tạ/ha, tăng 0,84 tạ/ha, sản lượng bưởi sơ bộ đạt 39.492 tấn, giảm 303 tấn so với năm 2024.

⁹ Đàn trâu ước 47.894 con, bằng 73,43% (giảm 17.326 con); Đàn bò ước 130.173 con, bằng 80,77% (giảm 30.989 con); Đàn lợn ước 342.216 con, bằng 97,10% (giảm 10.212 con) so với cùng kỳ năm 2024.

¹⁰ Sản lượng thịt Trâu hơi xuất chuồng ước đạt 3.754 tấn, bằng 108,86% (tăng 305,51 tấn); SL thịt Bò hơi xuất chuồng ước đạt 10.059 tấn, bằng 104,17% (tăng 247 tấn); SL thịt Lợn hơi xuất chuồng ước đạt 71.304 tấn, giảm 7,11 % (giảm 2.124 tấn); SL gia cầm hơi bán giết ước đạt 29.589 tấn, tăng 6,8% so với năm 2024.

dịch bệnh, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Năm 2025, sản lượng thủy sản ước đạt 61.262 tấn, tăng 4,33% so với năm 2024¹¹. Trong đó, sản lượng khai thác biển vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động khai thác thủy sản, ước đạt 43.497 tấn, bằng 105,12% (tăng 2.119 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động nuôi trồng thủy sản vẫn cho thấy sự ổn định và đảm bảo nguồn cung cho thị trường.

3. Sản xuất công nghiệp

Năm 2025, ngành công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục phát huy hiệu quả các lợi thế tăng trưởng; Nhà máy ô tô VinFast tại Hà Tĩnh đã đi vào hoạt động sản xuất, Nhà máy sản xuất Cell Pin, Pack Pin nhanh chóng vận hành ổn định, sản lượng sản xuất đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường. Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động sản xuất công nghiệp trong năm cũng chịu tác động từ một số yếu tố khách quan khi nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II đi vào hoạt động từ tháng 7 đến tháng 10/2025 phải tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố; Công ty FORMOSA tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm thị trường đầu ra và việc lò cao số 1 tạm ngừng hoạt động trong tháng 8,9 để bảo dưỡng.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh năm 2025 tăng 7,12% so với năm 2024¹². Một số nhóm ngành có mức tăng cao, đóng góp chủ yếu vào mức tăng chung toàn ngành công nghiệp như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 13,4%; Sản xuất đồ uống tăng 1,95%; Dệt tăng 13,07%; Ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 55,84% so với năm trước. Bên cạnh đó, một số nhóm ngành giảm làm ảnh hưởng tới tốc độ tăng toàn ngành như: Sản xuất kim loại giảm 6,01%; Ngành khai khoáng khác giảm 1,42%... Trong số 20 nhóm sản phẩm chủ yếu được tổng hợp, có 14 nhóm tăng sản lượng so với cùng kỳ năm trước và có 6 nhóm sản phẩm có chỉ số giảm trong tổng số sản phẩm công nghiệp chủ yếu¹³.

4. Tình hình thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Năm 2025 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được đánh giá gặp nhiều khó khăn, thách thức hơn trước. Theo các doanh nghiệp, khó khăn nhất hiện nay vẫn là nhu cầu thị trường sụt giảm và chi phí sản xuất cao.

Tính từ đầu năm đến ngày 25/12/2025, toàn tỉnh thành lập mới 1.900 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc, tăng 42,22% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng vốn đăng ký đạt gần 12.476 tỷ đồng, tăng 77,69% so với cùng kỳ năm 2024, vốn bình quân trên một doanh nghiệp đạt 6,57 tỷ đồng, tăng 24,90% so cùng kỳ năm trước. Trong năm có 458 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc hoạt động trở lại, tăng 11,98% so với năm 2024. Bên cạnh các doanh nghiệp thành lập mới, trong năm qua có nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, tạm ngừng và giải thể, cụ thể có 725 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 9,68% so với cùng kỳ năm trước; 445 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc giải thể tăng 83,88% so với cùng kỳ năm 2024.

Theo kết quả khảo sát doanh nghiệp hoạt động riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ngành cho thấy xu hướng sản xuất kinh doanh của ngành trong năm 2026 đang

¹¹ Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 43.497 tấn, bằng 105,12% (tăng 2.119 tấn); Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 17.765 tấn, bằng 102,45% (tăng 424 tấn) so với năm 2024.

¹² Chỉ số SX: Ngành công nghiệp khai khoáng giảm 2,4%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,34%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,09%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,02%

¹³ Ấc quy bằng ion lithi tăng gần 6 lần so với cùng kỳ; thức ăn gia súc tăng 33,06%; điện sản xuất tăng 13,67%; Sợi tăng 13,07%; mực đông lạnh tăng gần 4 lần;...; Các sản phẩm công nghiệp giảm sâu: Thép không gỉ ở dạng bán thành phẩm giảm 6,32%; quặng inmenit và tinh quặng inmenit giảm 33,18%; quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 33,13%...

được đánh giá theo chiều hướng tích cực, với niềm tin của doanh nghiệp vào sự gia tăng sản lượng, mở rộng thị trường tiêu thụ và cải thiện đơn hàng.

5. Thương mại, dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 2025 ước đạt 78.238,44 tỷ đồng, tăng 12,15% so với cùng kỳ năm trước. Trong 12 nhóm hàng bán lẻ, có 10 nhóm hàng tăng trưởng dương (chiếm trên 89% tổng mức), trong đó, nhóm lương thực, thực phẩm ước đạt 38.346,49 tỷ đồng, chiếm 49,01% tổng mức và tăng 15,11% so với năm 2024, đây là nhóm hàng thiết yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng mức bán lẻ.

Doanh thu hoạt động lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành năm ước đạt 9.862,84 tỷ đồng, tăng 14,40% so với năm trước. Xét riêng các nhóm ngành trong năm, ta thấy được sự tăng trưởng vượt bậc của ngành dịch vụ lưu trú (tăng 34,91%), mặc dù mức doanh thu không quá lớn nhưng cũng tạo nên điểm sáng đáng kể và hướng đi đúng đắn cũng như tiềm lực cần khai thác. Hoạt động dịch vụ ăn uống vẫn là nhóm chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất và tăng trưởng ổn định trong năm. *Doanh thu dịch vụ khác* ước đạt 5.260,04 tỷ đồng, tăng 15,81% so với năm trước.

Doanh thu thu vận tải, kho bãi năm 2025 ước đạt 9.660,66 tỷ đồng, tăng 14,12% so với năm trước¹⁴. Nhìn chung hoạt động vận tải và kho bãi trên địa bàn tỉnh đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Chất lượng phương tiện vận chuyển hành khách và hàng hóa không ngừng được cải thiện, nhiều xe mới, chất lượng cao được đưa vào khai thác, dịch vụ vận tải được nâng cao rõ rệt.

6. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính đến hết ngày 30/12/2025 đạt 21.360 tỷ đồng, vượt 20% so với dự toán và tăng 17,97% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, thu nội địa đạt 14.449 tỷ đồng, tăng 40,71%; Thu xuất nhập khẩu đạt 6.656 tỷ đồng, bằng 86,37% so với cùng kỳ năm 2024.

Tổng chi ngân sách nhà nước tính đến hết ngày 30/12/2025 đạt 30.985 tỷ đồng, tăng 19,06% so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu nguồn chi thì chi đầu tư phát triển đạt 11.224 tỷ đồng, chiếm 36,22%, tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước; chi thường xuyên đạt 19.746 tỷ đồng, chiếm 63,73% tổng chi, tăng 26,60% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, hoạt động chi ngân sách ưu tiên cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, cấp bách gắn với việc thực hiện các mục tiêu, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Hoạt động ngân hàng

Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng tại Hà Tĩnh ước đến thời điểm 31/12/2025 đạt 125.995 tỷ đồng, tăng 16% so với cuối năm 2024¹⁵. Số dư huy động vốn bằng đồng Việt Nam đạt 122.659,6 tỷ đồng, bằng ngoại tệ đạt 3.335,5 tỷ đồng. Lãi suất huy động trong năm 2025 có xu hướng tăng dần, cùng với việc triển khai nhiều chương trình ưu đãi, tổng nguồn vốn huy động toàn địa bàn đạt mức tăng trưởng tốt.

Dư nợ tín dụng ước đến 31/12/2025 đạt 126.350 tỷ đồng¹⁶, tăng 16% so với cuối

¹⁴ Vận tải hành khách ước đạt 1.647,43 tỷ đồng, tăng 12,87%; Vận tải hàng hoá ước đạt 5.964,91 tỷ đồng, tăng 12,60%; Hỗ trợ vận tải ước đạt 1.963,2 tỷ đồng, tăng 19,32%; Bưu chính CP đạt 83,12 tỷ đồng, tăng 35,15% so với năm 2024.

¹⁵ Nguồn huy động trung, dài hạn đạt 13.383,9 tỷ đồng, chiếm 10,62% tổng nguồn vốn huy động, tăng 23,42%; Huy động vốn ngắn hạn đạt 112.611,1 tỷ đồng, chiếm 89,38% trong tổng nguồn vốn huy động, tăng 15,18% so với cuối năm 2024.

¹⁶ Dư nợ ngắn hạn đạt 97.683,3 tỷ đồng (chiếm 77,31% tổng dư nợ), tăng 15,69%; Dư nợ trung dài hạn đạt 28.666,6 tỷ đồng (chiếm 22,69%), tăng 17,07% so với cuối năm 2024.

năm 2024. Hoạt động tín dụng chủ yếu hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong tiếp cận vốn tín dụng; đơn giản hóa thủ tục cho vay, niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục, quy trình vay vốn; đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

8. Đầu tư và xây dựng

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2025 tăng khá, ước tính cả năm 2025 đạt 61.019 tỷ đồng¹⁷. Trong đó, vốn khu vực nhà nước giảm do các dự án trọng điểm Trung ương triển khai trên địa bàn như Cao tốc Bắc - Nam; Dự án đường dây 500 kV sau giai đoạn thi công cao điểm năm trước đã giảm mạnh khối lượng đầu tư trong năm nay.

Vốn đầu tư ngoài nhà nước tăng do hoạt động đầu tư từ khu vực doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ, trong đó: Khu vực doanh nghiệp đạt 19.361 tỷ đồng, tăng gấp 4 lần so với năm trước; khu vực dân cư tăng trưởng ổn định, đạt 15.030 tỷ đồng, tăng 7,02%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mặc dù có các dự án lớn mới vào tuy nhiên do một số dự án quy mô lớn đã bước sang giai đoạn hoàn thiện, làm giảm khối lượng thực hiện trong năm, đặc biệt là dự án như Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II nên cũng giảm mạnh so với năm trước.

9. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Trị giá xuất khẩu toàn tỉnh năm 2025 ước đạt 2.000 triệu USD, giảm 16,67% so với năm trước (giảm 400 triệu USD). Nguyên nhân chủ yếu do từ nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thép trên thế giới giảm sút, ngoài ra, trị giá xuất khẩu mặt hàng chè, dăm gỗ cũng giảm lần lượt 3,64% và 11,43% so với cùng kỳ. Mặc dù trị giá xuất khẩu các mặt hàng khác như xơ, sợi dệt các loại; dệt và may mặc tăng trưởng khá tuy nhiên do tỷ trọng không lớn nên không tác động nhiều đến kết quả chung.

Trị giá nhập khẩu ước đạt 2.900 triệu USD giảm 22,46% so với năm 2024, Việc Formosa gặp khó khăn trong sản xuất và xuất khẩu khiến việc nhập nguyên liệu giảm, bên cạnh đó, mặc dù thời điểm cuối năm nhưng các doanh nghiệp cũng đang cầm chừng và chọn lọc trong việc nhập khẩu các loại hàng hoá phục vụ dịp Tết.

10. Giá cả, lạm phát

Nhìn chung, thị trường giá cả tiêu dùng từ đầu năm đến nay các mặt hàng có mức biến động mạnh chủ yếu tập trung ở các nhóm mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, xăng dầu, điện, nước sinh hoạt, giá thuê nhà ở, giáo dục, y tế.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2025 tăng 3,04%¹⁸ so với cùng kỳ năm 2024, Tác động lớn nhất là chỉ số giá nhóm hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống tăng 2,67%¹⁹, tiếp theo là chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 12,28% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo nghị quyết số 217 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh. Chỉ số giá nhóm nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,94%²⁰ do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân vào tháng 5/2025. Ở chiều ngược lại, yếu tố tác động kìm hãm chỉ số giá tiêu dùng trong năm 2025 có chỉ số giá

¹⁷ Vốn nhà nước trên địa bàn ước đạt 16.863 tỷ đồng, chiếm 27,64% tổng vốn, giảm 28,83%; Vốn đầu tư ngoài nhà nước ước đạt 34.391 tỷ đồng chiếm 56,36% tổng vốn, tăng 92,73%; Vốn đầu tư thực hiện khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 9.765 tỷ đồng, chiếm 16% tổng vốn giảm 43,92% so với năm 2024.

¹⁸ Khu vực thành thị tăng 3,54%; khu vực nông thôn tăng 2,83%.

¹⁹ Nhóm thực phẩm tăng 2,25% và nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 6,88%

²⁰ Điện sinh hoạt tăng 7,37%; nước sinh hoạt tăng 4,65%; nhà ở thuê và chủ nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 13,74%

nhóm giao thông giảm 3,48%, do mặt hàng nhiên liệu giảm 8,26% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong năm.

II. MỘT SỐ LĨNH VỰC XÃ HỘI

1. Lao động, việc làm

Theo kết quả điều tra lao động việc làm, lực lượng lao động 15 tuổi trở lên ước tính là 535.443 người, tăng 1,60% so với năm 2024²¹. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động năm 2025 là 55,37%, tăng 2,74 điểm phần trăm so với năm 2024, tỷ lệ này có sự chênh lệch đáng kể khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nam cao hơn 4,98 điểm phần trăm so với nữ; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động khu vực thành thị cao hơn 6,96 điểm phần trăm so với nông thôn.

Lao động có việc làm năm 2025 ước đạt 518.826 người, chiếm 96,90% tổng số lực lượng lao động và tăng 2,38% so với năm 2024²². Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở Hà Tĩnh ước tính 2,44%, giảm 0,05 điểm phần trăm so với năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp ước tính 3,10% (tương ứng 16.617 người) giảm 0,74 điểm phần trăm so với năm 2024²³.

Tình hình giải quyết việc làm số người được giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động năm 2025 là 23.800 người, đạt 101,28% so với kế hoạch và tăng 1,27% so với năm 2024, chủ yếu tăng ở lĩnh vực giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh (tăng 18,1%).

2. Công tác bảo đảm an sinh xã hội

Năm 2025, về tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội, toàn tỉnh đã chi trả trợ cấp hàng tháng và hỗ trợ đột xuất cho đối tượng người có công với tổng số tiền là 1.504,18 tỷ đồng; đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại các chương 2, 3, 4 và 5 của Nghị định 20/2021/NĐ-CP với tổng số tiền 647,55 tỷ đồng; hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác số tiền 65,17 tỷ đồng.

Ngoài ra cũng trong năm đã cấp phát miễn phí khoảng 388.313 thẻ bảo hiểm y tế khám chữa bệnh miễn phí²⁴. Hỗ trợ gạo trong năm 153,3 tấn, trong đó 130 tấn gạo hỗ trợ khắc phục thiên tai. Về hỗ trợ tình hình đột biến, bất thường, nổi bật khác phát sinh tại địa phương nguồn kinh phí tiếp nhận hỗ trợ đến thời điểm 10/12/2025 đạt gần 285,16 tỷ đồng, đã hoàn thành phân bổ 240,22 tỷ đồng, kinh phí còn lại chưa giải ngân là 44,94 tỷ đồng.

3. Giáo dục - đào tạo

Trong tháng 12/2025, ngành giáo dục Hà Tĩnh đã tổ chức kỳ thi học sinh giỏi tỉnh đảm bảo an toàn, nghiêm túc đúng quy chế. Đối với kỳ thi học sinh giỏi tỉnh lớp 12 có 1.036 em tham gia dự thi, có 716 em đạt giải và đặc cách công nhận 157 học sinh giỏi tỉnh. Đối với kỳ thi học sinh giỏi tỉnh lớp 9 có 1.433 học sinh dự thi và 988 em đạt giải, đặc cách công nhận 47 học sinh lớp 9 môn Tiếng Anh.

Tổ chức thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2025- 2026, toàn tỉnh có 217 thí sinh đăng ký dự thi; gồm 11 môn thi. Tổng số học sinh được chọn vào đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia là 103 học sinh.

Tổng tuyển sinh các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ước đạt 18.000 người, tăng

²¹ Lực lượng lao động nam là 272.028 người, chiếm 50,8%; LLLĐ khu vực thành thị là 129.845 người, chiếm 24,25%

²² Lao động nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 28,48%; công nghiệp - xây dựng chiếm 28,82%; dịch vụ chiếm 41,89% (tương ứng 217.356 người).

²³ Lao động thất nghiệp ở khu vực nông thôn chiếm đến 68,91% (tương đương 11.450 người) và nam giới chiếm 55,0% (tương đương 9.140 người)

²⁴ 11.474 thẻ bảo hiểm cho hộ nghèo; 25.443 thẻ cho hộ cận nghèo; 134.509 thẻ cho trẻ em dưới 6 tuổi; 41.438 thẻ cho người có công và 175.449 thẻ cho các đối tượng khác.

1,07% so với năm 2024 (16.831 người), đạt 83,7% kế hoạch. Tốt nghiệp ước đạt 14.000 người, tăng 1% so với năm 2024 (13.877 người).

4. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Năm 2025, trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 16 ca nhiễm mới HIV/AIDS và ghi nhận 7 ca chết vì AIDS. Giảm 15 ca nhiễm mới nhưng tăng 01 ca chết vì AIDS so với năm 2024.

Công tác an toàn thực phẩm. Năm 2025, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh xảy ra 2 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể, làm 23 người bị ngộ độc và 639 người bị ngộ độc đơn lẻ. So với năm 2024 giảm 01 vụ ngộ độc tập thể nhưng tăng 10 người bị ngộ độc; số ca ngộ độc đơn lẻ giảm 233. Không có ca nào chết vì ngộ độc

Tình hình dịch bệnh khác: Trong năm đã ghi nhận 71 ca mắc sốt xuất huyết, trong đó có 02 ổ dịch tại phường Sông Trí và xã Đồng Tiến với tổng số 08 ca mắc. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn xuất hiện các ca bệnh đơn lẻ như quai bị, thủy đậu, lỵ, hơn 1 nghìn ca tiêu chảy và hơn 16,2 nghìn ca cúm...Tuy nhiên, các ca bệnh và ổ dịch đều được phát hiện và điều trị kịp thời, không có người chết do các bệnh trên.

5. Hoạt động văn hoá, thể thao

Các hoạt động văn hóa được triển khai đồng bộ, gắn với tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, nhiều lễ hội lớn được tổ chức quy mô, an toàn, thu hút du khách như Lễ hội Chùa Hương Tích, Lễ hội Hải Thượng Lãn Ông, các lễ hội khai trương du lịch biển Xuân Thành, Thiên Cầm, Kỳ Anh... Đặc biệt, thời điểm cuối năm, Hà Tĩnh long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 260 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du.

Đối với thể thao quần chúng, đã hướng dẫn chỉ đạo các xã, phường xây dựng kế hoạch, thành lập Ban Tổ chức và tổ chức Lễ Khai mạc Đại hội Thể dục thể thao cấp xã lần thứ X; tổ chức giải Bóng đá Nam Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh lần thứ X; Đối với thể thao thành tích cao, năm 2025 đoàn thể thao tỉnh nhà đã tham gia 57 giải thi đấu, giành được 272 huy chương các loại²⁵; Về thể thao chuyên nghiệp câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp Hồng Lĩnh Hà Tĩnh tiếp tục chuẩn bị tham gia thi đấu giải Vô địch quốc gia mùa giải 2025-2026; tính đến hết vòng đấu thứ 11, đội đang xếp thứ 6/14 câu lạc bộ tham dự.

6. Tai nạn giao thông

Tính chung cả năm 2025, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh xảy ra 352 vụ tai nạn đường bộ, làm 233 người chết, 215 người bị thương (giảm 51 vụ, tăng 6 người chết, giảm 31 người bị thương so với năm trước); xảy ra 2 vụ tai nạn đường sắt, làm 01 người bị thương (giảm 2 vụ so với năm trước).

Trong thời gian tới, Ban An toàn giao thông phối hợp với Công an tỉnh và các cấp ngành liên quan đang tích cực thực hiện kế hoạch phòng ngừa tai nạn giao thông và giữ gìn trật tự, an toàn giao thông phục vụ nhân dân đón Tết Dương lịch, Tết nguyên đán.

7. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Tình hình cháy, nổ: Năm 2025, tình hình cháy tại khu vực nhà dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang diễn biến phức tạp, nhất là những tháng cuối năm công tác chữa cháy và cứu hộ cứu nạn đang được tập trung cao độ. Năm 2025, trên địa bàn đã xảy ra 83 vụ cháy, làm 03 người bị thương, giá trị thiệt hại ước tính hơn 8,2 tỷ đồng (giảm 03 vụ, tăng 03 người bị thương so với cùng kỳ năm trước).

Vi phạm môi trường: Năm 2025, đã phát hiện 346 vụ vi phạm môi trường, xử lý

²⁵ 102 huy chương Vàng, 75 huy chương Bạc và 95 huy chương Đồng.

321 vụ với số tiền xử phạt hơn 4,6 tỷ đồng. Tăng 86 vụ phát hiện (tăng 33,08%), tăng 74 vụ xử lý (tăng 29,96%) với số tiền tăng hơn 2,5 tỷ đồng so với năm trước. Năm nay việc chỉ đạo nhiều giải pháp nhằm quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động xả thải và tuân thủ pháp luật môi trường khiến tổng số tiền xử phạt tăng cao do việc tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện một số cơ sở vi phạm có tính chất nghiêm trọng, áp dụng mức xử phạt cao để nâng cao tính răn đe.

8. Thiệt hại thiên tai

Năm 2025 được ghi nhận là năm có nhiều biến cố về thiên tai, hỏa hoạn và dịch bệnh, chỉ tính riêng tại địa bàn đã hứng chịu nhiều diễn biến thiên tai phức tạp. Đặc biệt trực tiếp hứng chịu 03 cơn bão lớn là bão số 5 (bão Kajiki), bão số 6 (bão Nongfa) và bão số 10 (Bualoi), gây mưa lớn diện rộng, khiến 3 người chết và 62 người bị thương, với thiệt hại về tài sản ước tính lên tới 9.294 tỷ đồng. Ngoài ra, đã xảy ra 09 vụ mưa lớn, sét đánh và mưa đá, làm 01 người chết do mưa lũ, 06 người chết do sét đánh và 02 người mất tích trên biển, tổng giá trị thiệt hại gần 45 tỷ đồng

Trước diễn biến phức tạp của khí hậu, thời tiết và hậu quả do thiên tai gây ra, chính quyền địa phương được sự quan tâm của các cấp trung ương và các mạnh thường quân trên khắp các miền tổ quốc đã kịp thời chung tay hỗ trợ người dân.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Một là, tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030; Tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, đổi mới, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm;

Hai là, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp; duy trì ổn định sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; nâng cao sức cạnh tranh của du lịch, thương mại, dịch vụ;

Ba là, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tăng cường quản lý hiệu quả thu, chi ngân sách, tín dụng;

Bốn là, tiếp tục thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể. Triển khai đồng bộ giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, phát huy hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và các địa phương (DDCI), góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI);

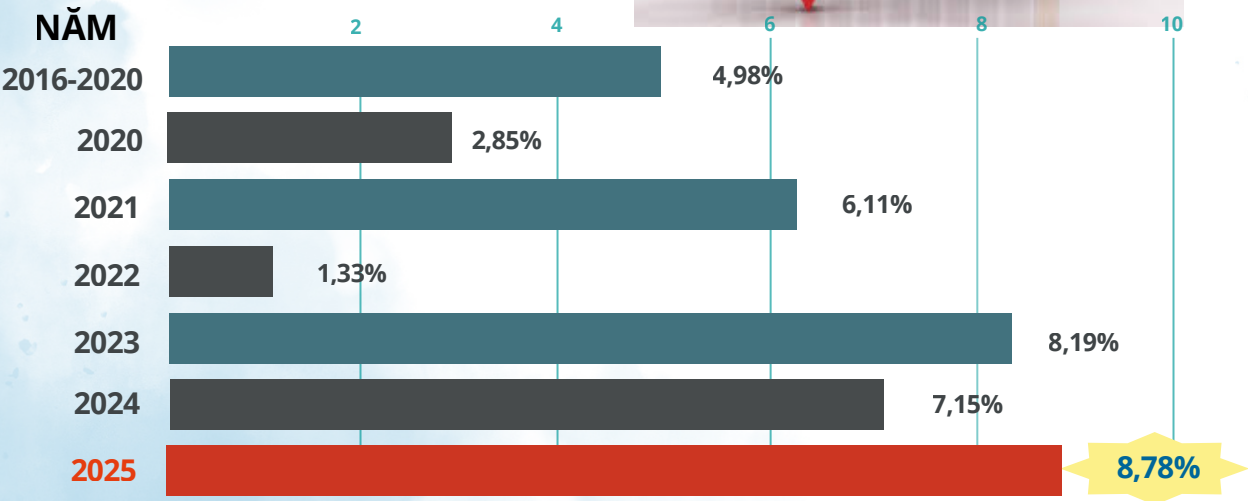
Năm là, tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản;

Sáu là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;

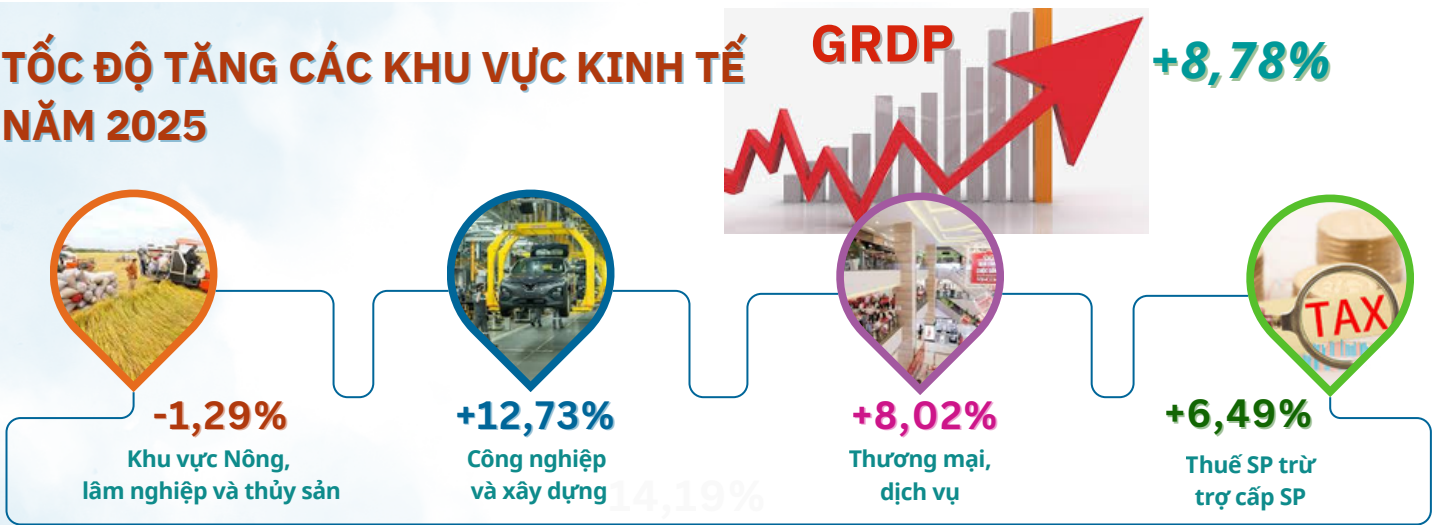
Bảy là, phát huy giá trị văn hóa, con người Hà Tĩnh, phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa xã hội, nâng cao đời sống, bảo đảm an sinh xã hội; làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội.

THỐNG KÊ TỈNH HÀ TĨNH

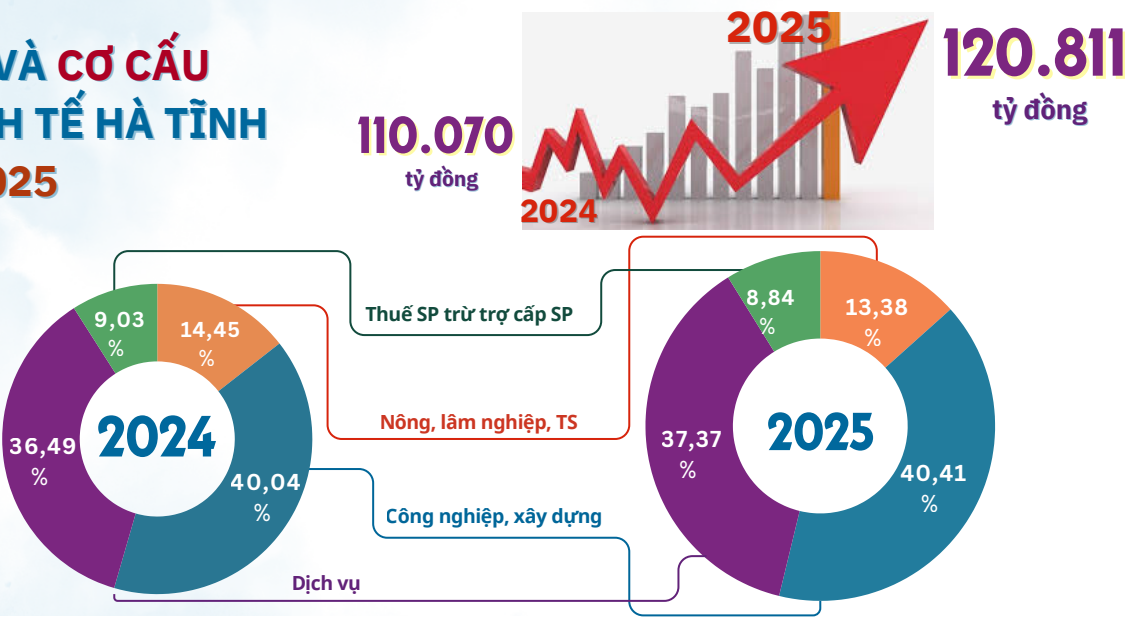
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG
GRDP
QUA CÁC NĂM CỦA HÀ TĨNH



TỐC ĐỘ TĂNG CÁC KHU VỰC KINH TẾ
NĂM 2025



QUY MÔ VÀ CƠ CẤU
NỀN KINH TẾ HÀ TĨNH
2024 - 2025



Năm 2024
+3,98%

TĂNG TRƯỞNG KHU VỰC I

-1,29%
Năm 2025

TỐC ĐỘ TĂNG CÁC NGÀNH KHU VỰC I NĂM 2025



-3,32%

Nông nghiệp



+10,23%

Lâm nghiệp

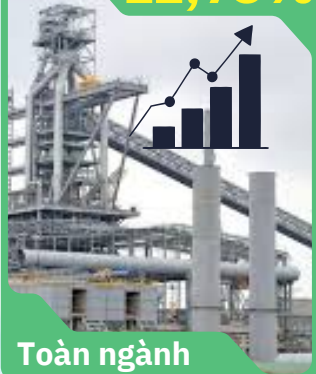


+3,08%

Thủy sản

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP NĂM 2025

12,73%



Toàn ngành

+1,64%



Khai khoáng



Chế biến, chế tạo

+15,79%



+14,89%

SX và PP điện, khí đốt



Cung cấp nước
và xử lý rác thải

+7,82%

TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ NGÀNH DỊCH VỤ NĂM 2025



+8,85%

Bán buôn bán lẻ



+11,94%

Vận tải



+5,15%

Thông tin,
truyền thông



+7,21%

Tài chính, ngân hàng
bảo hiểm

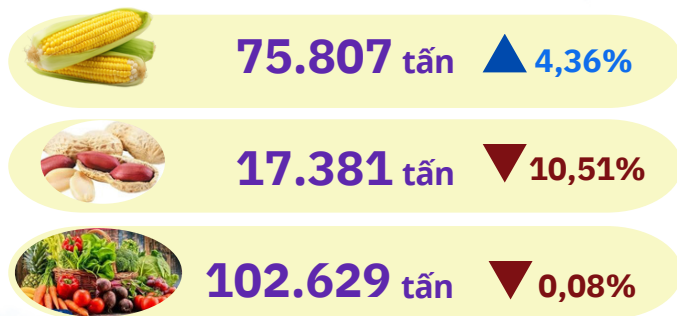
Cây hàng năm - Kết quả sản xuất năm 2025

► Tổng diện tích: **156.399** ha ▼ **0,53%** so với cùng kỳ năm 2024

Sản lượng LT có hạt: **564.200** tấn ▼ **15,89%**



Cây trồng khác



Cây lâu năm - Kết quả sản xuất một số CLN năm 2025

► Tổng diện tích: **30.599** ha ▼ **2,50%** so với cùng kỳ năm 2024

Sản lượng cây ăn quả: **184.594** tấn ▲ **1,05%**



69.060 tấn
▼ **1,10%**



39.492 tấn
▼ **0,76%**



27.255 tấn
▲ **2,59%**



34.736 tấn
▲ **1,45%**

Chăn nuôi năm 2025

So với cùng kỳ năm trước

47.894 con

▼ **26,57%**



3.754 tấn

▲ **8,86%**

130.173 con

▼ **19,23%**



10.059 tấn

▲ **4,17%**

342.216 con

▼ **2,90%**



71.304 tấn

▼ **7,11%**

10.089 ng.con

▲ **0,67%**



29.589 tấn

▲ **6,80%**

Lâm nghiệp năm 2025

So với cùng kỳ năm trước



Diện tích rừng trồng mới tập trung

10.574 ha  7,99%



775.178 m³

Sản lượng gỗ khai thác

 20,52%



2.000 nghìn cây

Cây lâm nghiệp trồng phân tán

 29,43%

Thủy sản năm 2025

So với cùng kỳ năm trước



Tổng sản lượng thủy sản

61.262 tấn  4,33%



43.497 tấn

Sản lượng Khai thác

 5,12%



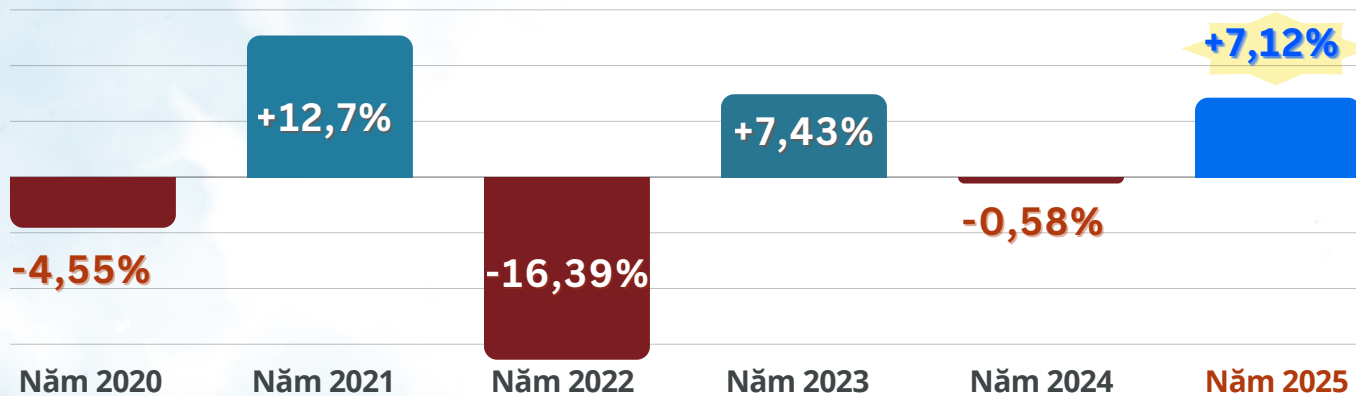
17.765 tấn

Sản lượng Nuôi trồng

 2,45%

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

---Giai đoạn 2020-2025---



Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2025

So với cùng kỳ năm trước



Toàn ngành



Khai khoáng



Chế biến, chế tạo

+6,34%



+12,09%
SX và PP điện, khí đốt



Cung cấp nước
và xử lý rác thải

+4,02%

Một số sản phẩm công nghiệp năm 2025

So với cùng kỳ năm trước

2.495
Nghìn Kwh



Ắc quy bằng ion lithi

+599,74%



Thép không gỉ

3.879 Nghìn tấn
-6,32%



+13,67%
Điện sản xuất



Bia đóng lon

84.369 Nghìn lít
+1,95%

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2025

16.863
tỷ đồng

▼ 28,83%



Ngoài NN



Nhà nước

34.391
tỷ đồng

▲ 92,73%



FDI

9.765
tỷ đồng

▼ 43,92%



▲ 3,50%

So với cùng kỳ năm trước

TỔNG SỐ 61.019 tỷ đồng

Thương mại, dịch vụ năm 2025

So với cùng kỳ năm trước



Bán lẻ hàng hóa

78.238,44 tỷ đồng
▲ 12,15%



Lưu trú, ăn uống
và du lịch lữ hành

9.862,84 tỷ đồng
▲ 14,40%



Dịch vụ khác

5.260,04 tỷ đồng
▲ 15,81%



Tổng số:

93.361,32 tỷ đồng
▲ 12,59%

Hoạt động vận tải năm 2025



14,12
%

So với cùng kỳ năm trước

9.660,66 tỷ đồng



Vận tải hàng hóa

5.964,91 tỷ đồng ▲ 12,60%



Vận tải hành khách

1.647,43 tỷ đồng
▲ 12,87%



Hỗ trợ vận tải

1.963,20 tỷ đồng ▲ 19,32%

Thu - Chi ngân sách năm 2025



21.360 tỷ đồng

THU NGÂN SÁCH

↑ **17,97%** so với cùng kỳ năm 2024



30.985 tỷ đồng

CHI NGÂN SÁCH

↑ **19,06%** so với cùng kỳ năm 2024

Hoạt động ngân hàng năm 2025

Huy động vốn

▲ **16,0%**



125.995 tỷ đồng



Dư nợ cho vay

▲ **16,0%**



126.350 tỷ đồng

Ước tính đến ngày 31/12/2025 so với cuối năm 2024

Tình hình doanh nghiệp năm 2025

So với cùng kỳ năm trước



1.900

▲ **42,22%**

Doanh nghiệp

Doanh nghiệp thành lập mới



12.476

▲ **77,69%**

Tỷ đồng

Tổng vốn đăng ký DN thành lập mới



725

▲ **9,68%**

Doanh nghiệp

DN đăng ký tạm ngừng



445

▲ **83,88%**

Doanh nghiệp

DN hoàn tất thủ tục giải thể

Xuất khẩu - Nhập khẩu năm 2025

So với cùng kỳ năm trước

Xuất khẩu - Export



2.000

triệu USD

▼ **16,67%**



Nhập khẩu - Import



2.900

triệu USD

▼ **22,46%**

Tổng trị giá XNK: **4.900,0** triệu USD ▼ **20,20%**

Chỉ số giá tiêu dùng - CPI

100,55 %

- Tháng 12/2025 so với tháng trước
- Tháng 12/2025 so với cùng kỳ năm 2024

101,16 %



103,38 %

- Tháng 12/2025 so với kỳ gốc năm 2024
- Bình quân cả năm 2025 so với cùng kỳ 2024

103,04 %

Tình hình tai nạn giao thông năm 2025

Tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 15/12/2025 đã xảy ra **354** vụ tai nạn giao thông đường sắt và đường bộ, làm **233** người chết và **216** người bị thương



TÍNH RIÊNG
QUÝ IV/2025



97 vụ



52 người



67 người

Dân số trung bình năm 2025

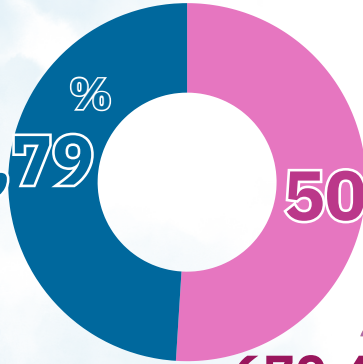
1.335.144 người

Phân theo giới tính

664.726 NAM



49,79 %



50,21 %



670.418 NỮ



Phân theo thành thị, nông thôn

THÀNH THỊ



274.770 người

1.060.374 người

NÔNG THÔN



Mật độ dân số toàn tỉnh hiện là **223 người/km²** tăng **1 người/km²** so với năm 2024

Lao động, việc làm năm 2025

Lực lượng LĐ từ 15 tuổi trở lên **535.443** người **↑ 1,60%** so với cùng kỳ năm 2024



Tỷ lệ thất nghiệp
3,10%



Tỷ lệ thiếu việc làm
2,44%

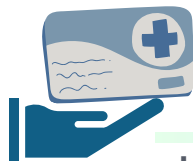
Giải quyết việc làm **23.800** người **↑ 1,27%** so với cùng kỳ năm 2024

An sinh xã hội năm 2025



2.216,9 tỷ đồng

Hỗ trợ người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội
hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác



Cấp phát **388.313** thẻ bảo hiểm y tế

khám chữa bệnh miễn phí trên địa bàn toàn tỉnh